

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trịnh Thị Hoài Linh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thị Hoài Linh
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trịnh Thị Hoài Linh

Mã SV: 1412401254

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng
2. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng
3. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
4. Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng
5. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trịnh Thị Hoài Linh

Th.S Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Phạm Thị Nga**

Đơn vị công tác: Khoa QTKD – Đại học Dân lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: **Trịnh Thị Hoài Linh** Chuyên ngành: Kế toán – kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng.

- Tập hợp các vấn đề lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo qui định chế độ kế toán hiện hành.
- Khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng năm 2016
- Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng năm 2016 và xây dựng các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Ý thức tốt, nghiêm túc và cầu thị trong nghiên cứu.
- Hoàn thành bài đúng tiến độ

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận đã giải quyết được yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
- Số liệu minh họa chi tiết, rõ ràng
- Các biện pháp đề xuất phù hợp với thực trạng phân tích và có tính khả thi

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Tổng quan về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.1. Tầm quan trọng của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	4
1.1.3. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ.	5
1.1.3.1. Doanh thu.	5
1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh	11
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	12
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.	12
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.	12
1.2.1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	13
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán.	13
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	14
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.	14
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.	14
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.	15
1.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.	17
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.	17
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.	17
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	18
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.	19
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.	19

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	22
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.	22
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.	22
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	23
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.	24
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.	24
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.	26
1.3. Quy trình luân chuyển các chứng từ, sổ sách của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	26
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	27
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	28
1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.4. Hình thức kế toán máy tính, kế toán sử dụng phần mềm kế toán	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG.....	32
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng.	32
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh.....	34
2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh.....	34
2.1.2.2. Sản phẩm.	35
2.1.2.3. Đặc điểm quy trình kinh doanh sản phẩm	36
2.1.3. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.....	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV Đất Quảng.....	38
2.1.4.1. Tổ chức hệ thống kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng.....	38
2.1.4.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.....	39
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán.	41
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đất Quảng	42
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	42
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	42
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.	43

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.	43
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.	43
2.2.1.5. Ví dụ minh họa.	44
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	49
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty.	49
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.	49
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.	49
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.	49
2.2.2.5. Ví dụ minh họa.	50
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	54
2.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	54
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.	54
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.	54
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.	54
2.2.3.5. Ví dụ minh họa.	55
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	58
2.2.4.1. Nội dung.	58
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.	58
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.	58
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.	58
2.2.4.5. Ví dụ minh họa.	59
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	72
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đất Quảng	72
2.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đất Quảng.	72
2.2.6.2. Chứng từ sử dụng.	73
2.2.6.3. Tài khoản sử dụng.	73
2.2.6.4. Quy trình hạch toán.	73
2.2.6.4. Xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.	74
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG	82

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	82
3.1.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Hạn chế.....	83
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đất Quảng.....	84
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thành công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	84
3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	84
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	85
3.2.3.1. Chuyển đổi chế độ kế toán sang Thông tư 133.....	85
3.2.3.2. Tiến hành theo dõi chi tiết bán hàng bằng cách lập sổ chi tiết.....	94
3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	94
3.2.3.4. Một số giải pháp khác.....	94
KẾT LUẬN	95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán (phương pháp KKTX)	16
Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	19
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	21
Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	24
Sơ đồ 1.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
Sơ đồ: 1.7: Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
Sơ đồ: 1.8: Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	28
Sơ đồ: 1.9: Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	29
Sơ đồ: 1.10: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	30
Sơ đồ: 1.11: Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
Sơ đồ 1.12: Quy trình kinh doanh sản phẩm	36
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH MTV Đất Quảng	37
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty.....	39
Sơ đồ 1.15: Hệ thống sổ sách kế toán.....	41
Sơ đồ 1.16: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty	44
Sơ đồ 1.17: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty	49
Sơ đồ 1.18: Sơ đồ hạch toán doanh thu HĐTC và chi phí tài chính	54
Sơ đồ 1.19: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.	59
Sơ đồ 1.20: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	73

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu 1.1. Hóa đơn GTGT số 0000235 bán hàng cho công ty TNHH Liên doanh xây dựng VIC	45
Biểu 1.2: Giấy báo có của ngân hàng ACB ngày 23/12/2016	46
Biểu 1.3: Trích sổ nhật ký chung.....	47
Biểu 1.4: Trích sổ cái tài khoản 511	48
Biểu 1.5: Phiếu xuất kho 10/12 xuất bán theo HĐ 0000235.....	51
Biểu 1.6: Trích sổ nhật ký chung.....	52
Biểu số 1.7: Trích sổ cái TK 632	53
Biểu 1.8: Giấy báo có ngân hàng về tiền lãi tháng 10/2016	55
Biểu 1.9: Trích Sổ nhật ký chung	56
Biểu số 1.10: Trích sổ cái TK 515.....	57
Biểu 1.11: Hóa đơn GTGT 0001045 nhận từ công ty TNHH Dầu Ấn	60
Biểu 1.12: Phiếu chi 32/12 ngày 20/12/2016.....	61
Biểu 1.13: Trích sổ nhật ký chung.....	62
Biểu 1.14: Trích sổ cái tài khoản 641	63
Biểu 1.15: Trích hóa đơn GTGT số 0001634	65
Biểu 1.16: Phiếu chi số 15/08.....	67
Biểu 1.17: Hóa đơn GTGT số 0086822.....	68
Biểu 1.18: Phiếu chi số 37/12.....	69
Biểu 1.19: Trích sổ nhật ký chung.....	70
Biểu 1.20: Trích sổ cái tài khoản 642	71
Biểu 1.21: Phiếu kế toán 31	75
Biểu 1.22: Phiếu kế toán 32.....	76
Biểu 1.23: Phiếu kế toán 33.....	76
Biểu 1.24: Phiếu kế toán 34.....	77
Biểu 1.25: Phiếu kế toán 35.....	77
Biểu 1.26: Phiếu kế toán 36.....	78
Biểu 1.27: Phiếu kế toán 37.....	78
Biểu 1.28: Phiếu kế toán 38.....	79
Biểu 1.29: Trích Sổ nhật ký chung	80
Biểu 1.30: Trích sổ cái tài khoản 911	81

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Nguyên nghĩa</i>
1	Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
2	QĐ	Quyết định
3	BTC	Bộ tài chính
4	GTGT	Giá trị gia tăng
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	CCDV	Cung cấp dịch vụ
7	HĐTC	Hoạt động tài chính
8	KH	Khách hàng
9	HĐ	Hóa đơn
10	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
11	XK	Xuất khẩu
12	BVMT	Bảo vệ môi trường
13	CKTM	Chiết khấu thương mại
14	BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
15	GTCL	Giá trị còn lại
16	KKTX	Kê khai thường xuyên
17	TSCĐ	Tài sản cố định
18	BHXH	Bảo hiểm xã hội
19	TK	Tài khoản
20	QLKD	Quản lý kinh doanh
21	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
22	UBND	Ủy ban nhân dân
23	VNĐ	Việt Nam đồng
24	UNC	Ủy nhiệm chi
25	GBN	Giấy báo nợ
26	GBC	Giấy báo có

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế đang càng ngày càng phát triển, nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ được thành lập với nhiều thành phần kinh tế mang tính độc lập và tự chủ cao. Để có thể tồn tại và vươn lên thì đối với mỗi doanh nghiệp cần chủ động sáng tạo hơn trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin; đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Sự mở rộng giao lưu về kinh tế trong những năm gần đây của nhà nước Việt Nam đã có nhiều cải cách, đổi mới để hoàn thiện hệ thống kế toán nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng quản lý về tài chính. Có thể thấy năm 2006 nhà nước ban hành Quyết định 15/2006/QĐ-BTC về việc ban hành Chế độ kế toán Doanh Nghiệp và Quyết định 48/2006/sQĐ-BTC ngày 14/09/2006 đối với một số các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Nhằm hoàn thiện hơn, BTC đã ban hành thêm một số các thông tư sửa đổi như TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 đối với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thực tế, để hiểu rõ nội dung và cách áp dụng Chế độ kế toán không phải là chuyện đơn giản. Công ty TNHH MTV Đất Quảng cũng đã gặp phải một số khó khăn, hạn chế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Hơn thế nữa, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính,... Những thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị có thể đưa ra các quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty đồng thời cũng là thước đo kinh doanh của doanh nghiệp để các nhà đầu tư xem xét việc có nên đầu tư hay không. Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng em đã đi sâu và tìm hiểu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng”**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: *Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Chương 2: *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Đất Quảng*

Chương 3: *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng*

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là cô giáo – ThS. Phạm Thị Nga đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Em cũng chân thành cảm ơn ban lãnh đạo và các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trịnh Thị Hoài Linh

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Tổng quan về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Tầm quan trọng của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong nền kinh tế đang ngày càng phát triển hiện nay, để tồn tại và vươn lên, mỗi doanh nghiệp cần chủ động sáng tạo và không ngừng nâng cao phát triển khi đó mới có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác. Do đó, để kinh doanh hiệu quả nhất, mỗi doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí từ đó biết được kinh doanh lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phát huy những điểm tốt và khắc phục những hạn chế. Chính vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế hiện nay.

1.1.1.1. Đối với doanh nghiệp.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định kết quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá đúng tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

1.1.1.2. Đối với nhà đầu tư và tổ chức trung gian tài chính.

Thông qua chỉ tiêu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính. Các nhà đầu tư sẽ phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp, khả năng kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các quyết định, chính sách đầu tư đúng đắn.

Các tổ chức trung gian sẽ dựa vào các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh làm căn cứ để đề ra có quyết định cho vay hay không.

1.1.1.3. Đối với nhà cung cấp.

Kết quả kinh doanh và khả năng thanh toán của doanh nghiệp là căn cứ để cho các nhà cung cấp quyết định có cung cấp hàng cho doanh nghiệp hay không hay có quyết định cho doanh nghiệp trả chậm hay trả góp.

1.1.1.4. Đối với nhà nước.

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể xác định được các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Từ đó Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của doanh nghiệp. Các nhà quản lý cấp cao sẽ lấy đó làm cơ sở để xem xét sự phát triển của nền kinh tế đưa ra các chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua các chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,...đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập Báo cáo tài chính.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra các kiến nghị, biện pháp thích hợp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.1.3. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.3.1. Doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Nội dung doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

❖ *Chiết khấu thương mại:* là khoản doanh nghiệp bán hàng giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào các chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

❖ *Giảm giá hàng bán:* là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do một số nguyên nhân như: vi phạm cam kết giữa hai bên mua và bán; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

c) Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi; tiền bản quyền; cổ tức; lợi nhuận được chia; khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

d) Thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc là có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hoặc nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được bồi thường,

1.1.3.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm:

a) Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ *Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:* giá vốn hàng xuất kho có thể được xác định bằng nhiều phương pháp khác nhau:

➤ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}$$

Trong đó:

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể tính theo một trong hai cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: theo cách này, cuối kỳ kế toán, kế toán mới tiến hành xác định đơn giá bình quân theo công thức:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- Giá đơn vị bình quân liên hoàn (bình quân theo mỗi lần nhập): theo cách này, sau mỗi lần nhập kế toán xác định đơn giá bình quân sau lần nhập đó, theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

➤ *Phương pháp nhập trước – xuất trước*: theo phương pháp này hàng nào nhập về trước thì xuất ra trước; xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau (hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập đầu tiên)

➤ *Phương pháp giá bán lẻ*: phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho những đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự)

➤ *Phương pháp thực tế đích danh*: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán: chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện nhất định khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận định được thì mới có thể áp dụng phương pháp này. Còn đối với doanh nghiệp có nhiều mặt hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

b) *Chi phí hoạt động tài chính.*

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: chi phí lãi vay; những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,...những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

c) Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là khoản chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

❖ *Chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

d) Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác có thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý).
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế:

- Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đây là số chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm nộp lớn hơn với số phải nộp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN (lợi nhuận ròng hay lãi ròng)} = \text{Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hàng}$$

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất cho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp:

➤ Bên nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).
- Các khoản giảm trừ doanh thu (bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại).
- Kết chuyển danh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên có

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

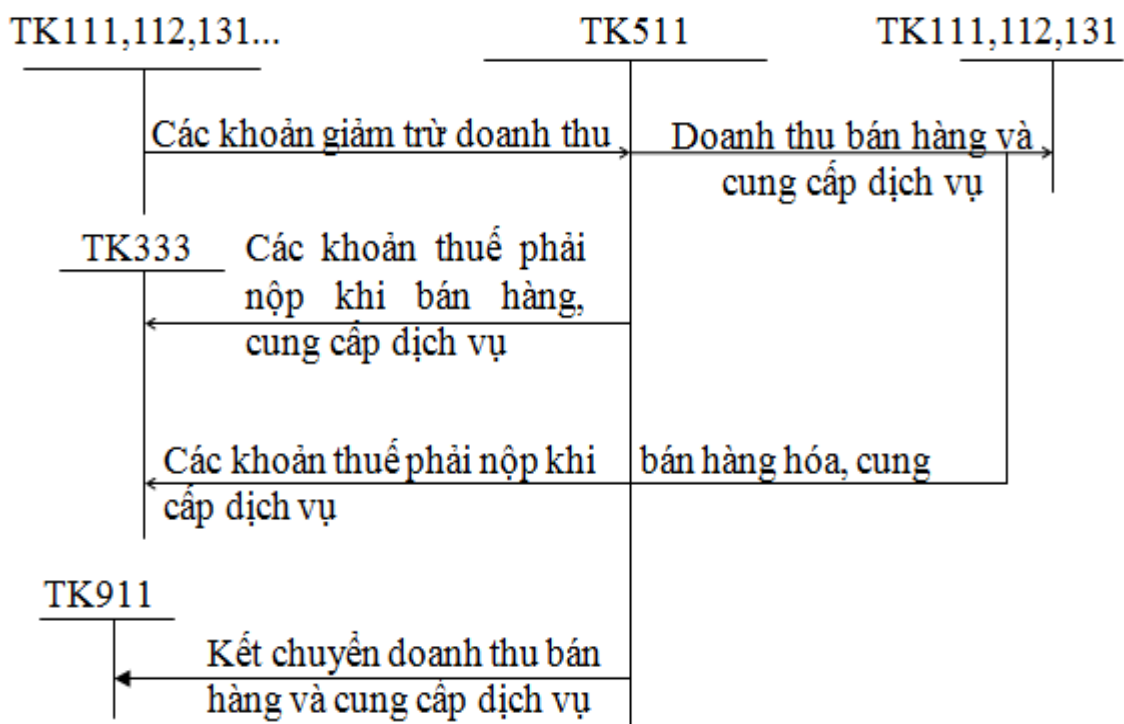
Theo thông tư 133/2016/TT-BTC chế độ áp dụng với doanh nghiệp vừa và nhỏ có hiệu lực từ 01/01/2017 đã bỏ tài khoản 521 thay vào đó các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại) được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ của tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 511: Các khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và CKTM

Nợ TK 333: Thuế và các khoản phải nộp vào nhà nước tương ứng

Có TK 111,112,131: Số tiền giảm trừ

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

➤ Bên nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
 - + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
 - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT.
 - + Phản ánh số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ.
 - + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT.
 - + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ.
 - + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.
 - + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ.
 - + Số tổn thất do giảm giá giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá
 - + Chi phí trước đối với hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán.

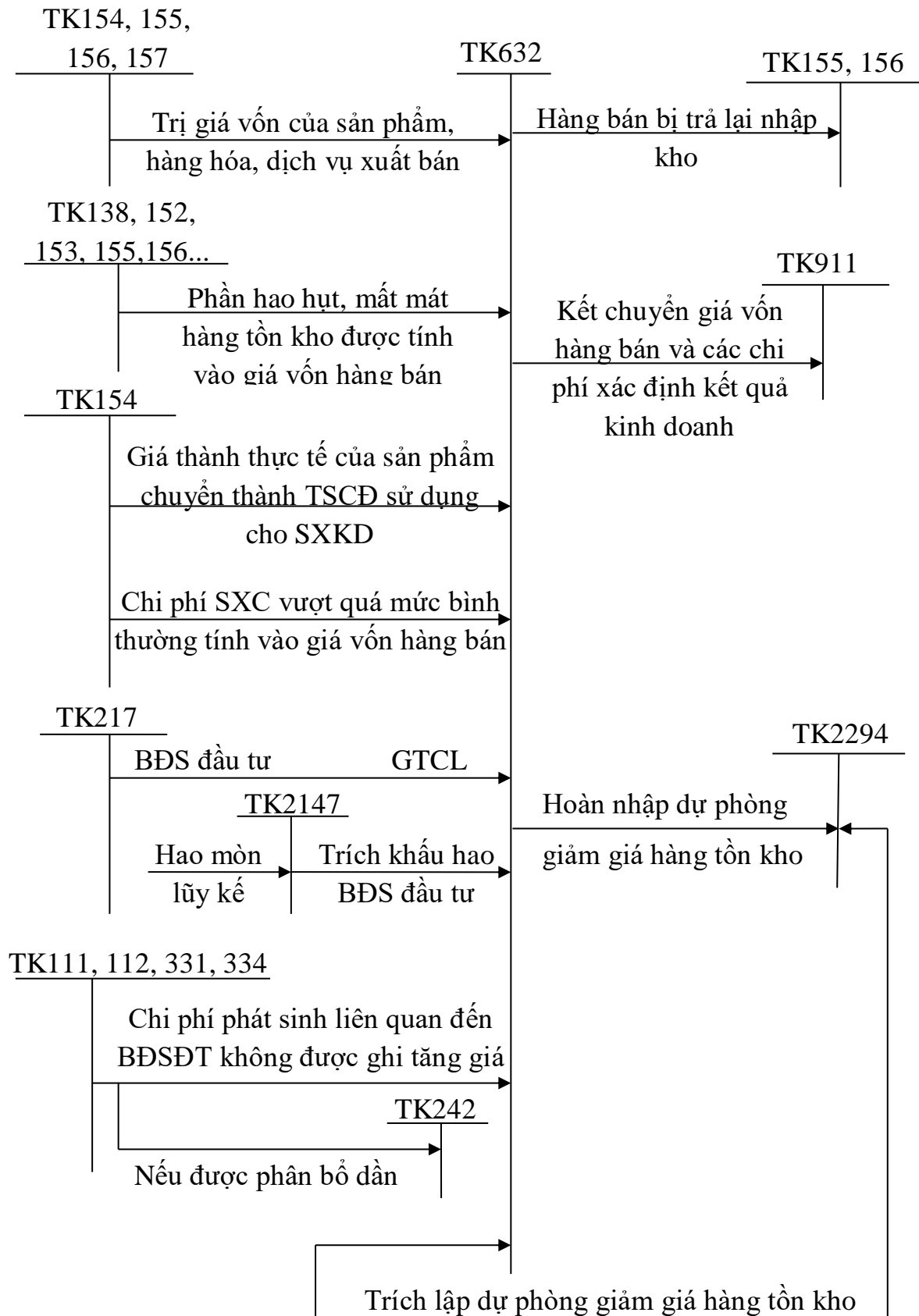
➤ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
- Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại.
- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB thuế BVMT đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán (phương pháp KCTX)

1.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Phiếu kế toán.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

❖ *Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (không có số dư cuối kỳ)*
Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ *Bên nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ *Bên có:*

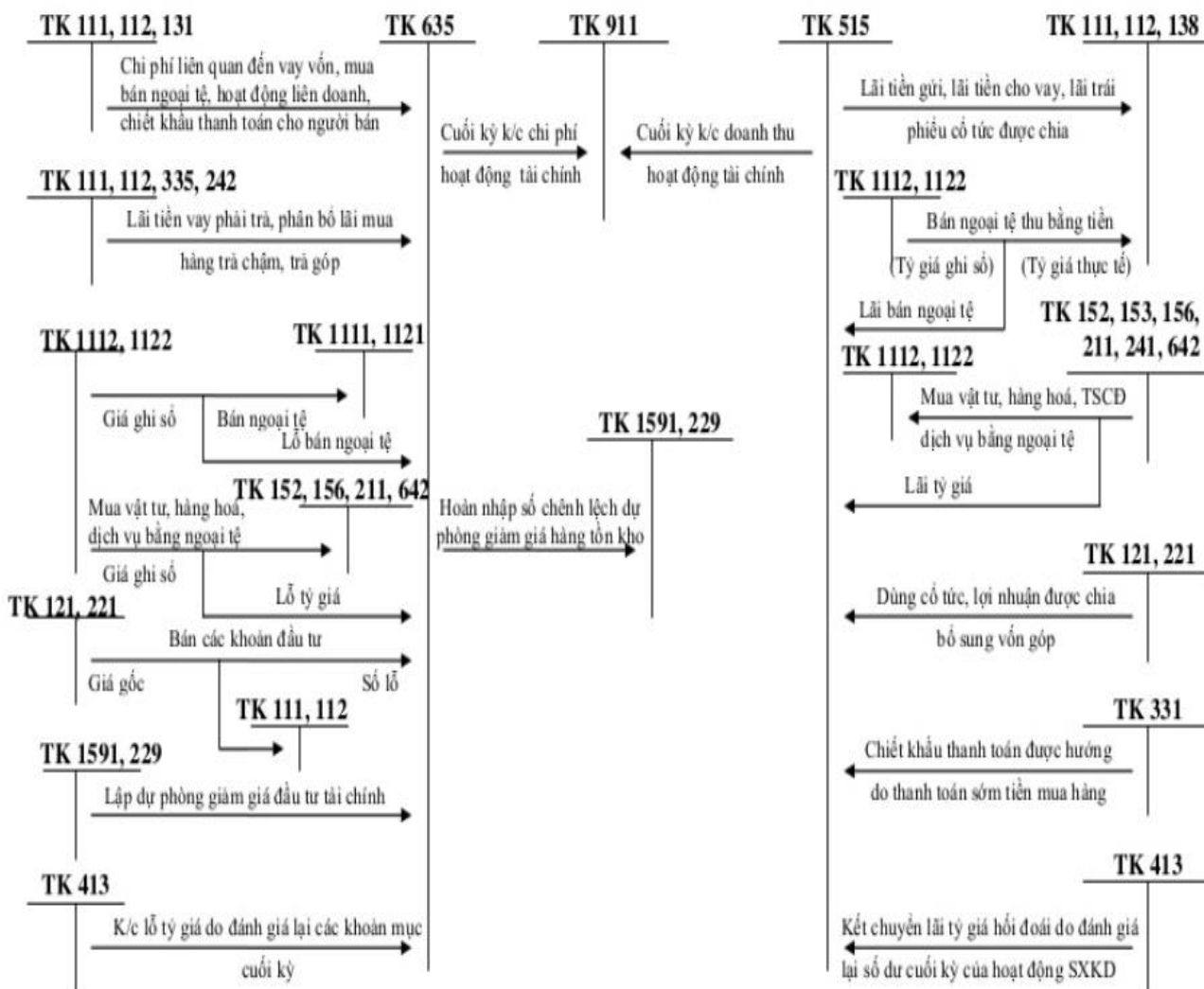
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ *Tài khoản 635 – Chi phí tài chính (tài khoản không có số dư cuối kỳ)*

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua.
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.
 - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
 - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác.
 - Các khoản chi phí tài chính khác.
- *Bên nợ:*
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.
 - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất vào đơn vị khác.
- *Bên có:*
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
 - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.
 - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, phiếu thu, phiếu kế toán,...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

❖ *Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.*

➤ *Bên nợ:*

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

➤ *Bên có:*

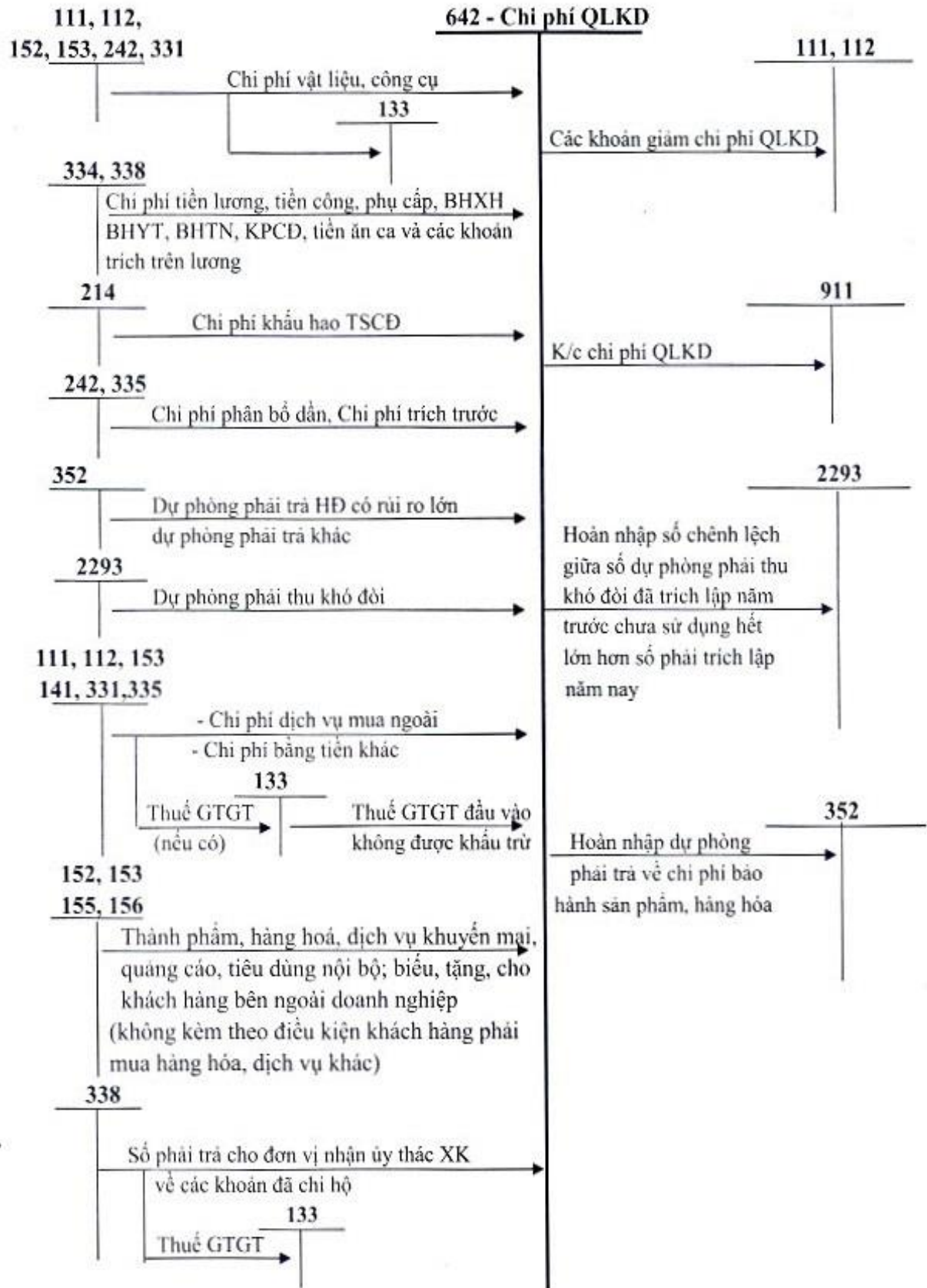
- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ:

- *Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng:* phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- *Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp:* phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy bảo nợ, giấy báo có,...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác (tài khoản không có số dư cuối kỳ)

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được giảm, được hoàn.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

➤ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

❖ *Tài khoản 811 – Chi phí khác (tài khoản không có số dư cuối kỳ)*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đầu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết vào đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

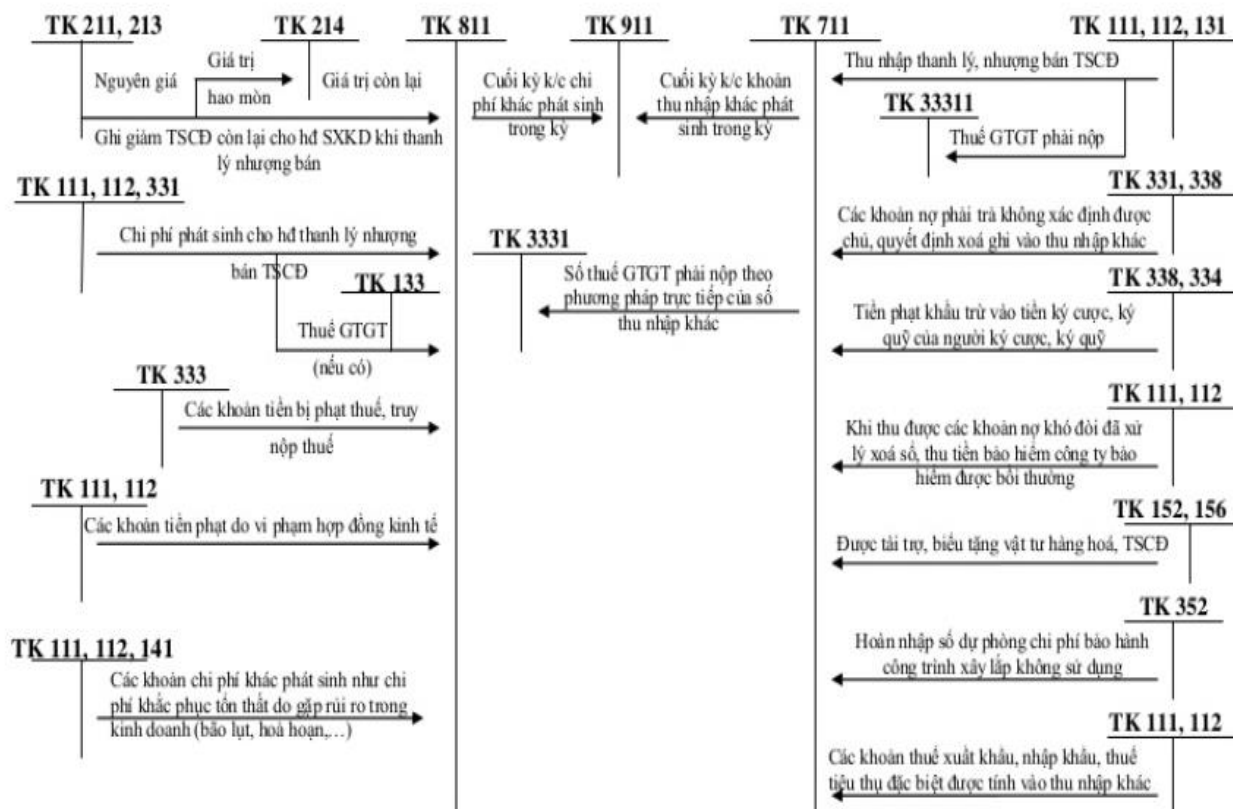
➤ *Bên nợ:*

- Các khoản chi phí khác phát sinh như nêu trên.

➤ *Bên có:*

- Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ *Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh (tài khoản không có số dư cuối kỳ)*

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

➤ *Bên nợ:*

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp).
- Kết chuyển lãi.
- *Bên có:*
 - Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
 - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Kết chuyển lỗ.
- ❖ *Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.*

Tài khoản lợi nhuận chưa phân phối có 2 tiểu khoản cấp 2:

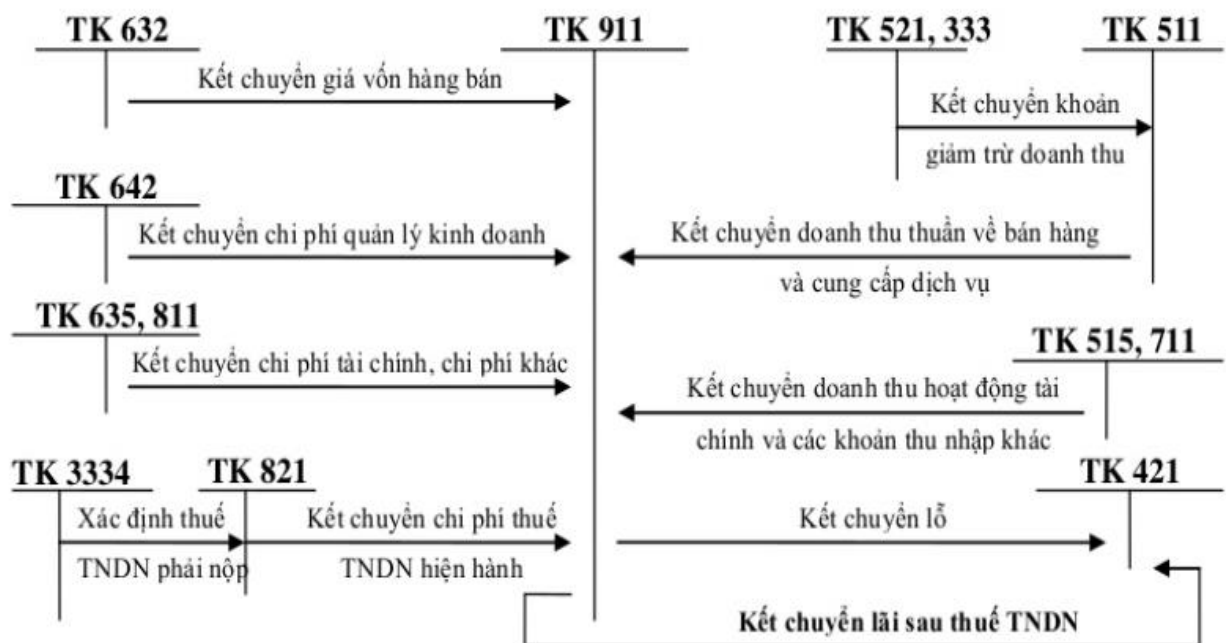
 - *Tài khoản 4211 – lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
 - *Tài khoản 4212 – lợi nhuận phân phối năm nay.*
 - *Bên nợ:*
 - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
 - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên quan.
 - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
 - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.
 - *Bên có:*
 - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
 - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
 - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- ❖ *Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*
 - *Bên nợ:*
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ *Bên có:*

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.



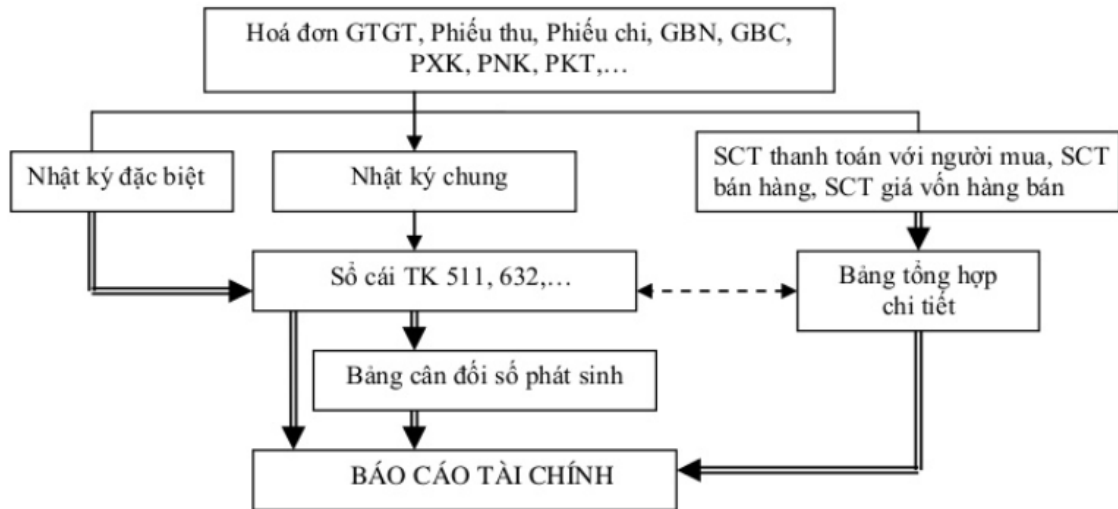
Sơ đồ 1.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Quy trình luân chuyển các chứng từ, sổ sách của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo chế độ kế toán có 5 hình thức kế toán:

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi nhận vào “Sổ nhật ký” mà trọng tâm là “Sổ nhật ký chung”, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ “Nhật ký” để ghi “Sổ cái” theo từng nghiệp vụ phát sinh.



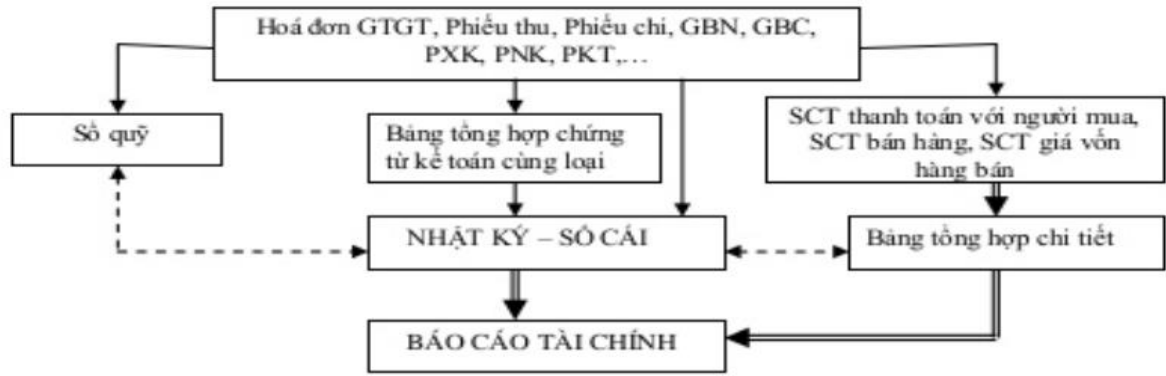
Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày
==> Ghi cuối tháng
←---> Đối chiếu

Sơ đồ: 1.7: Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hằng ngày, căn cứ vào những chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán liên quan. Từ đó ghi lên các sổ chi tiết nếu có.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ “Nhật ký – Sổ cái”. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

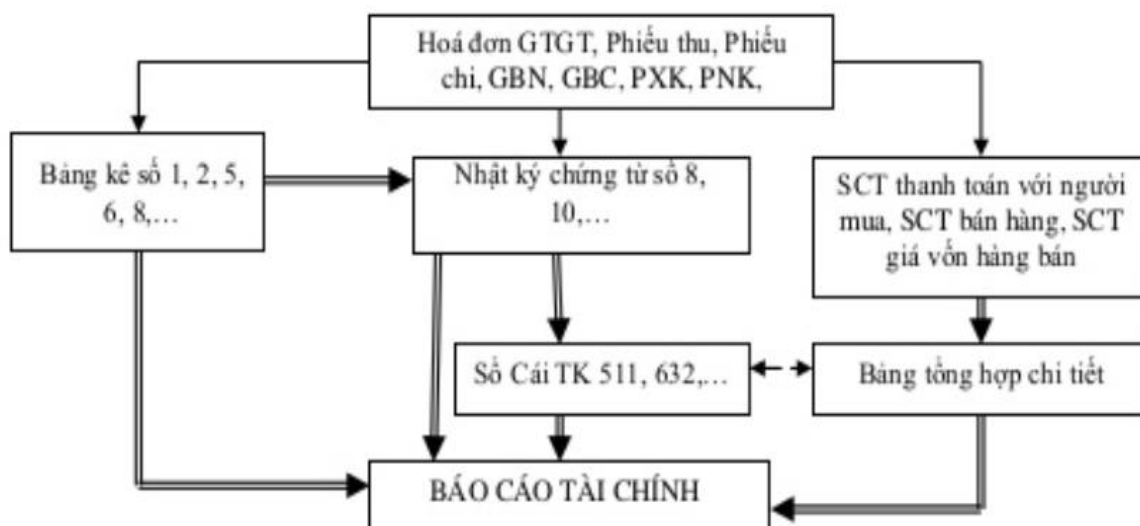


Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
—————> Ghi cuối tháng
←-----> Đối chiếu

Sơ đồ: 1.8: Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đo theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi cuối tháng
 ↔ Đối chiếu

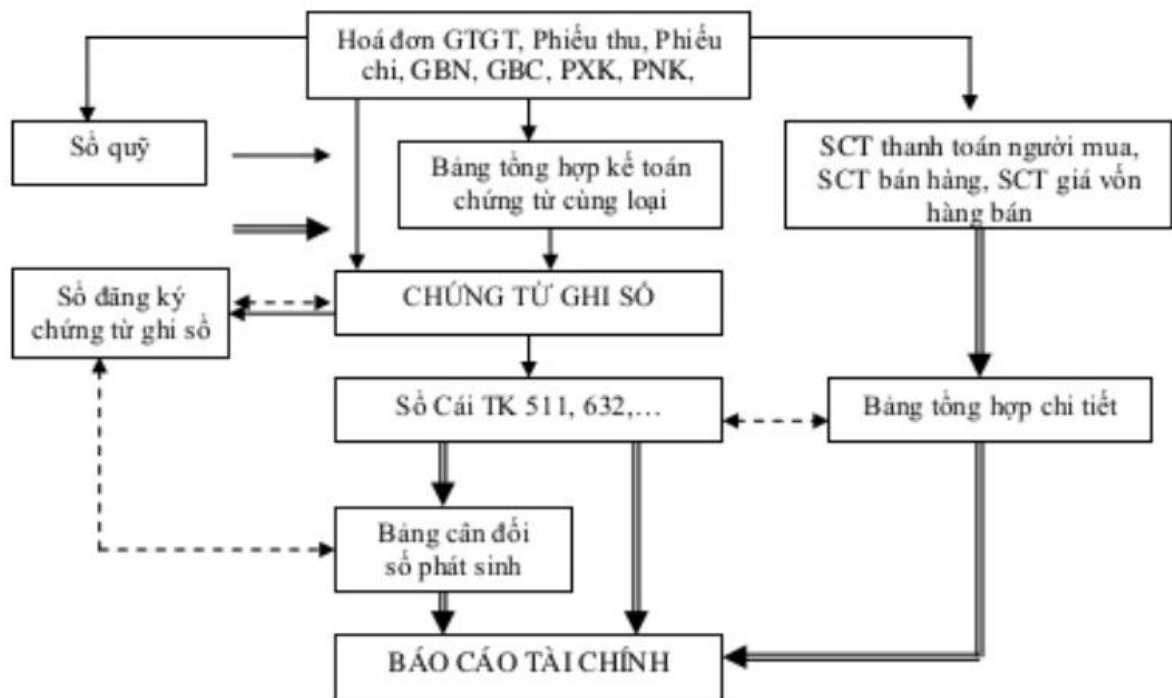
Sơ đồ: 1.9: Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Theo hình thức này, kế toán căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở của từng loại chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

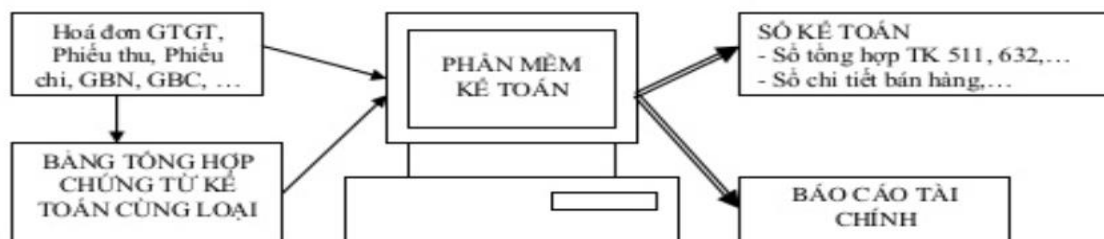


Ghi chú: Ghi hàng ngày
 Ghi cuối tháng
 Đối chiếu

Sơ đồ: 1.10: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán máy tính, kế toán sử dụng phần mềm kế toán

Theo hình thức này thì tất cả các công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình một phần mềm kế toán trên máy tính của mỗi doanh nghiệp. phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc là sự kết hợp của các hình thức kế toán quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
—————> Ghi cuối tháng
<-----> Đối chiếu

Sơ đồ: 1.11: Hình thức kế toán trên máy vi tính

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG**

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Đất Quảng.

2.1.1.1. Thông tin chung.

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG (DQ CO.,LTD)
- Giám đốc : Ông Nguyễn Tường Quảng
- Địa chỉ : Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng Đáy, phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Mã số thuế : 5701721739
- Vốn điều lệ : 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng)
- Điện thoại : 02033.695.555
- Fax : 0333695555
- Email : datquangcompany@gmail.com
- Ngành : Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng



2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.

Từng bước xây dựng và trưởng thành của Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng. Đất nước đang ngày càng phát triển, nhu cầu sinh hoạt làm đẹp của người dân càng ngày càng cao. Đối với mỗi gia đình ai cũng muốn trang bị cho gia đình mình một không gian sống tiện nghi và hoàn mỹ.

Chính vì vậy được sự giúp đỡ của Ủy ban tỉnh Quảng Ninh nói chung và UBND phường Giếng Đáy nói riêng cùng các cơ quan ban ngành trong tỉnh và thành phố đã tạo điều kiện để công ty đi đến quyết định thành lập, nay là công ty TNHH một thành viên Đất Quảng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/08/2014 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 19/08/2014 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp.

2.1.1.3. Thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của công ty.

a) Khó khăn:

Nguyên liệu để sản xuất khan hiếm, giá cả đầu vào tăng, ngày càng xuất hiện nhiều các công ty cùng ngành trong khu vực làm tăng tính cạnh tranh và phức tạp hơn trong kinh doanh. Các mặt hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng với giá thành thấp xuất hiện trôi nổi trong thị trường thu hút người tiêu dùng. Điều này gây ảnh hưởng trực tiếp đến công ty.

b) Thuận lợi:

Hơn 3 năm kinh doanh, phấn đấu phát triển và cống hiến Công ty TNHH MTV Đất Quảng đã thu hút và khẳng định cao chất lượng dịch vụ của công ty đối với khách hàng. Nhận được hàng trăm hợp đồng với sự tin tưởng của khách hàng và trở thành một trong những công ty tin cậy, cung cấp chuyên nghiệp những sản phẩm trong lĩnh vực: Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng.

Công ty là đơn vị thi đua xuất sắc liên tục của thành phố nhiều năm, được sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan Tỉnh, Thành phố. Tập thể cán bộ và công nhân viên công ty luôn cố gắng phát huy tinh thần đoàn kết khả năng sáng tạo trong kinh doanh khắc phục các khó khăn đồng thời rèn luyện tinh thần độc lập ý thức tự chủ cao.

2.1.1.4. Chức năng, nhiệm vụ chính và quyền hạn.

Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng là một DN có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng nhiệm vụ sau:

- Xây dựng . tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do DN đề ra , sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề , đúng mục đích.
- Tuân thủ chính sách , chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh.
- Quản lý và sử dụng vốn theo quy định và đảm bảo có lãi.
- Thực hiện nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động , nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.
- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước , tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có những quyền hạn sau:

- Được chủ động đàm phán , Ký kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Giám Đốc công ty là người đại diện cho công ty về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như quảng cáo , triển lãm sản phẩm, mở rộng các đại lý bán hàng.

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh.

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh.

- Kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch ốp lát và thiết bị nhà tắm

2.1.2.2. Sản phẩm.

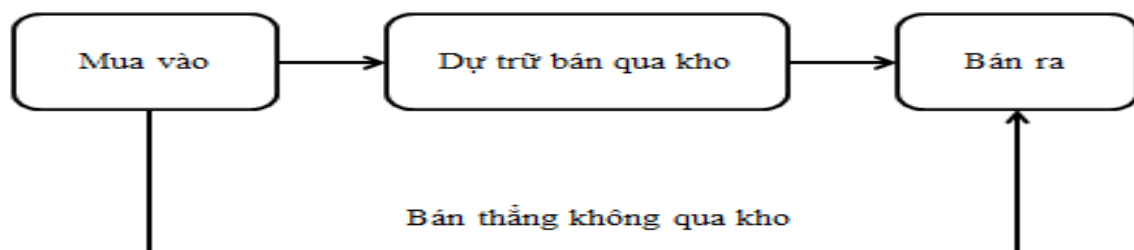




2.1.2.3. Đặc điểm quy trình kinh doanh sản phẩm

Với đặc điểm là một doanh nghiệp thương mại công việc kinh doanh chủ yếu là mua vào và bán ra nên công tác tổ chức kinh doanh là tổ chức quy trình luân chuyển chứ không phải là quy trình công nghệ sản xuất.

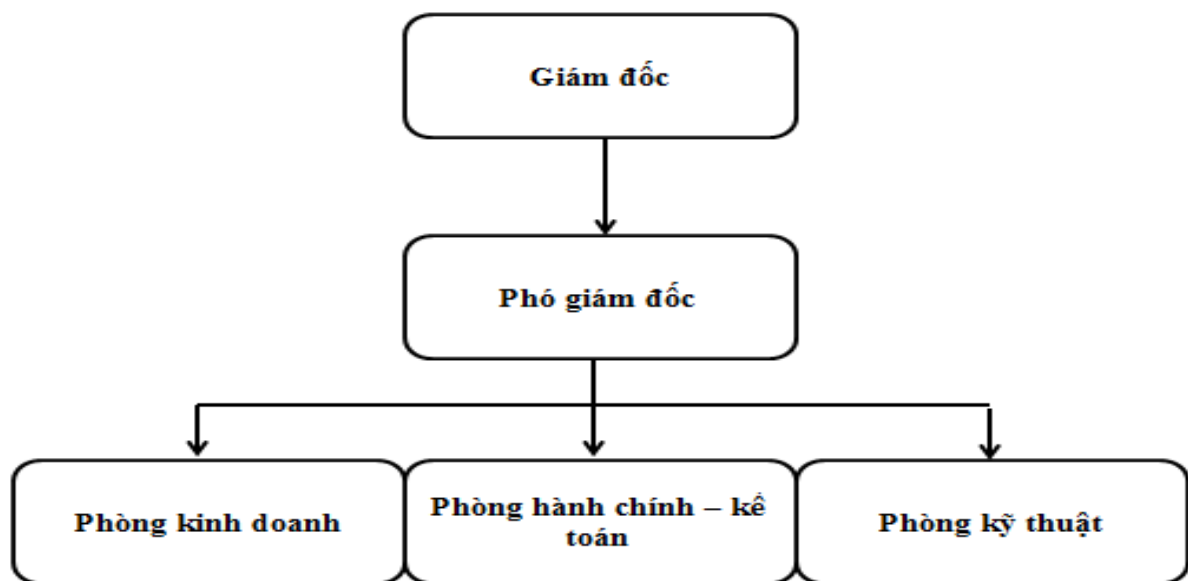
Công ty đã áp dụng cả 2 phương pháp kinh doanh mua bán qua kho và mua bán không qua kho với 2 hình thức chủ yếu là bán buôn và bán lẻ. Quy trình luân chuyển hàng hóa của công ty được thực hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.12: Quy trình kinh doanh sản phẩm

2.1.3. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần có một bộ máy quản lý đảm bảo giám sát chặt chẽ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Và để thực hiện tốt điều đó thì doanh nghiệp cần có một bộ máy tổ chức quản lý phù hợp. Và đối với công ty TNHH MTV Đất Quảng cũng vậy, tuy nhiên vì công ty là một công ty nhỏ nên bộ máy tổ chức quản lý của công ty đơn giản và gọn nhẹ phù hợp với yêu cầu của công ty và vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu của công ty về khía cạnh giám sát và điều hành công ty.



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH MTV Đất Quảng

Chức năng của từng bộ phận như sau:

- *Giám đốc*: Ông Nguyễn Tường Quảng – Đại diện pháp nhân của công ty và chịu trách nhiệm chung và trực tiếp quản lý các khâu trọng yếu. Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.
- *Phó giám đốc*: Bà Ngô Thúy Hằng – Tham mưu cho giám đốc kiêm trưởng phòng kinh doanh của công ty.
- *Phòng Kinh doanh*: Nguyễn Văn chiến - Nhân viên kinh doanh
Phạm Văn Đoàn - Nhân viên kinh doanh

Tham mưu và giúp giám đốc điều hành và trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty. Chủ động khảo sát và nghiên cứu việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty. Chủ động ngoại giao tìm kiếm khách hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

mở rộng phát triển quan hệ với khách hàng duy trì tình hình kinh doanh của công ty.

- *Phòng hành chính kế toán:* Phạm Thị Liễu - Kế toán trưởng
Trương Thị Loan - Nhân viên kế toán
Vũ Thị Hạnh - Nhân viên kế toán
Hoàng Thúy Quỳnh - Thủ quỹ

Phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày trong quá trình kinh doanh của công ty. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính cho giám đốc phê duyệt đồng thời theo dõi về những biến động về nhân sự.

- *Phòng kỹ thuật:* Nguyễn Thái Hà - Trưởng phòng kỹ thuật
Nguyễn Văn Việt - Nhân viên kỹ thuật
Nguyễn Hải Ninh - Nhân viên kỹ thuật

Thực hiện các hoạt động dịch vụ khách hàng trong quá trình mua bán và sử dụng sản phẩm như: Vận chuyển, bốc dỡ và bảo hành sản phẩm...

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH MTV Đất Quảng.

2.1.4.1. Tổ chức hệ thống kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng.

- Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:
 - Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
 - Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và

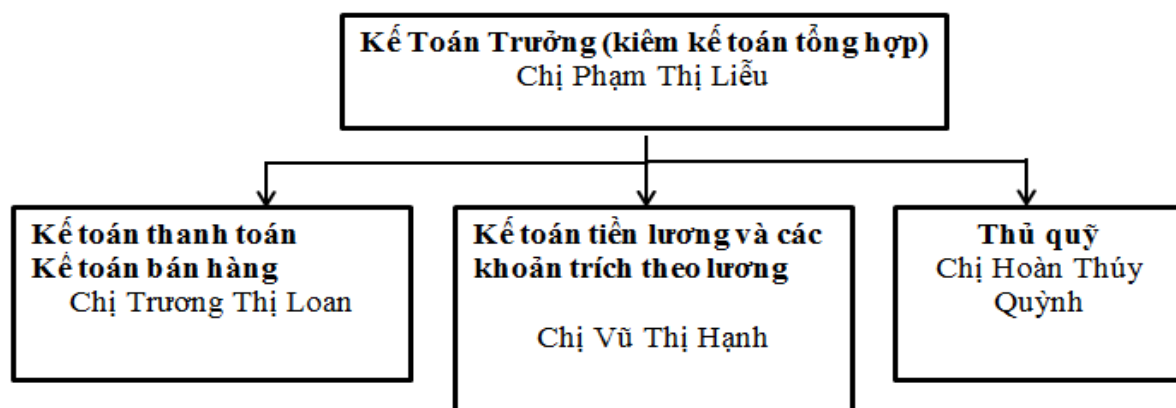
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

➤ Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam).
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.
5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu.
6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước – xuất trước
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
7. Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng
8. Nguyên tắc tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ và hạch toán theo tháng.

2.1.4.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Kế toán trưởng (trưởng phòng kế toán):* điều hành hoạt động của Phòng kế toán là người giúp việc cho Phó giám đốc về mặt tài chính của công ty. Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Quản lý tất cả các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán, hợp đồng xây dựng mới, hợp đồng sửa chữa...theo kế hoạch sản xuất xây dựng của công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và Nhà nước về tổ chức công tác kế toán tài chính. Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm. Tham gia góp ý kiến với lãnh đạo về hoạt động tài chính để có biện pháp quản lý, đầu tư kịp thời và hiệu quả.
- *Kế toán tổng hợp:* Tổ chức kiểm tra, tổng hợp lập báo cáo tài chính của công ty. Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán còn lại như: Tài sản cố định, công cụ dụng cụ, nguồn vốn kinh doanh, các quỹ của công ty.
- *Kế toán bán hàng:* Lập các hóa đơn bán hàng, tổ chức sổ sách phù hợp với phương pháp bán hàng trong công ty. Căn cứ vào các chứng từ hợp lệ theo dõi tình hình bán hàng và những biến động tăng giảm hàng hóa trong ngày, giá hàng hóa trong quá trình kinh doanh. Ghi chép phản ánh kịp thời và đầy đủ tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kì. Tính toán phản ánh tổng giá thanh toán...Kiểm tra đơn đốc tình hình thu hồi và quản lý nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, lô hàng, số tiền nợ, thời hạn và tình hình trả nợ.
- *Kế toán thanh toán:* Theo dõi, ghi chép sổ sách liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi công nợ, thanh toán với người bán, người mua, thanh toán nội bộ và các khoản tạm ứng.
- *Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:* Tổ chức ban đầu về lao động tiền lương. Ghi chép tính toán và báo cáo thông tin về lao động tiền lương đối với giám đốc. Tính toán và theo dõi các khoản trích theo lương từ đó tính lương phải trả người lao động.
- *Thủ quỹ:* Thực hiện các nghiệp vụ thu chi phát sinh trong ngày. Căn cứ vào các chứng từ hợp lệ để từ đó ghi vào sổ theo dõi và lập báo cáo quỹ hàng ngày. Chi trả lương cho nhân viên đúng thời hạn theo quy định. Theo dõi các giao dịch qua ngân hàng để đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh có thể diễn ra liên tục.

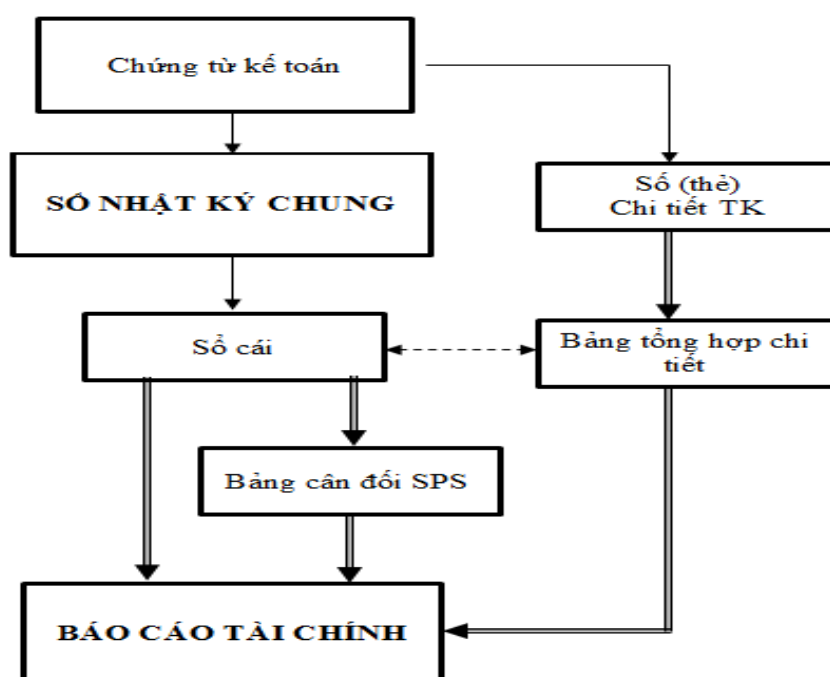
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán.

Công ty hạch toán sổ sách theo hình thức nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung”



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ←-----→ Đối chiếu số liệu cuối kỳ
- =====> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 1.15: Hệ thống sổ sách kế toán

- Hằng ngày:
 - Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Với một số tài khoản công ty ghi đồng thời các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ, thẻ kho tương ứng với tài khoản đó.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:
 - Kế toán công ty cộng Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Mọi thủ tục đều hướng theo nguyên tắc Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có là bằng nhau.

2.1.4.4. Hệ thống báo cáo kế toán.

Báo cáo của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến 31 tháng 12 năm báo cáo.

Báo cáo bao gồm :

- Báo cáo quyết toán thuế (Thuế TNDN, thuế GTGT).
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế và cơ quan cấp trên.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đất Quảng

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Hoạt động kinh doanh của công ty là buôn bán gạch ốp lát và các thiết bị nhà tắm. Vì vậy doanh thu của công ty được cấu thành từ việc mua đi bán lại các hàng hóa và hưởng khoản lời chênh lệch.

Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có,...kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ cái các tài khoản liên quan rồi đến các Sổ chi tiết tài khoản. Cuối tháng, cuối quý tổng hợp và đối chiếu lên các sổ sách liên quan. Kế toán lập cân đối phát sinh và Báo cáo tài chính.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.

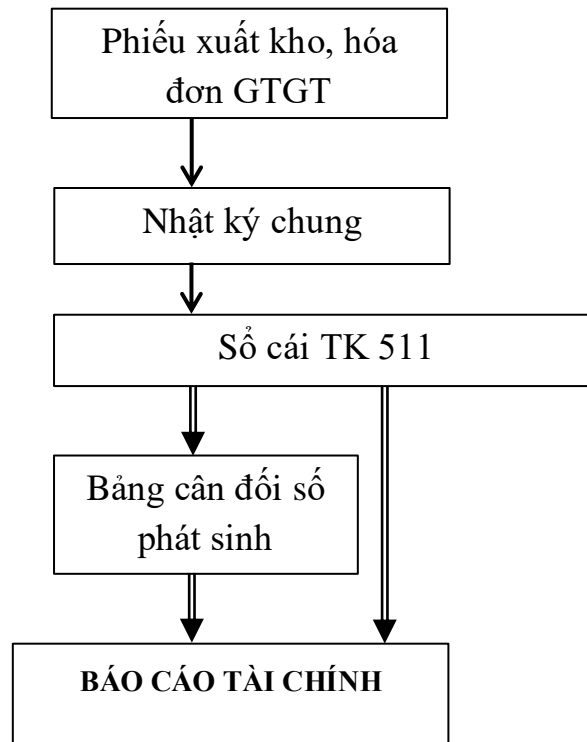
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu xuất kho
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Sổ chi tiết các tài khoản liên quan
- Sổ cái các tài khoản liên quan
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản chính: tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- ❖ Các tài khoản khác:
 - Tài khoản 111.112: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.
 - Tài khoản 131: Phải thu khách hàng
 - Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp

2.2.1.4. Quy trình hạch toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - > Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.16: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty

2.2.1.5. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 01: Ngày 23/12/2016 Công ty bán hàng cho công ty TNHH liên doanh xây dựng VIC với tổng số tiền thanh toán là 19.800.000đ (VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản:

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 19.800.000

Có TK 511: 18.000.000

Có TK 3331: 1.800.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP


Biểu 1.1. Hóa đơn GTGT số 0000235 bán hàng cho công ty TNHH Liên doanh xây dựng VIC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG
 Khu đô thị Đông Ga Giếng Đáy, P. Giếng Đáy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
 MST: 5701721739 Điện thoại: 033.3695 555
 Số tài khoản:

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: DQ/14P
 (Liên 3: Nội bộ) Số: **0000235**
 Ngày **23** tháng **12** năm **2016**.

Họ tên người mua hàng: Điện thoại:
 Tên đơn vị: *Công ty TNHH Liên doanh xây dựng VIC*
 Địa chỉ: *Số 232 Đường Phan Văn Đáng, P. Lê Minh, Q. Hải Yên, Hải Nội*
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: *TN* Mã số thuế:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	<i>KCN 60 0006965A1</i>	<i>m²</i>	<i>100</i>	<i>180.000</i>	<i>18.000.000</i>
Cộng tiền hàng:					<i>18.000.000</i>
Thuế suất GTGT: <i>10</i> % Tiền thuế GTGT:					<i>1.800.000</i>
Tổng cộng tiền thanh toán					<i>19.800.000</i>
Số tiền viết bằng chữ: <i>(Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng)</i>					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Hoàng Cường *Nguyễn Cường Cường* *Nguyễn Cường Cường*


* (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Số liệu phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng năm 2016)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.2: Giấy báo có của ngân hàng ACB ngày 23/12/2016

Ngân hàng A Châu	GIAY BAO CO	
Chi nhánh: ACB - CN Quang Ninh	Ngày: 23-12-2016	Ma GDV: VU THI HANH
		Ma KH: 5314
		So GD: 1432154
Kinh gửi: Công ty TNHH MTV Đất Quảng		
MST: 5701721739		
Hom nay chung toi xin bao đã ghi CO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau:		
So tài khoản ghi CO:	1004864788	
So tiền bằng số:	19.800.000	
So tiền bằng chữ:	MUOI CHIN TRIEU TAM TRAM NGHIN DONG CHAN	
	NGÂN HÀNG A CHÂU	
Nội dung:	CÔNG TY VIC THANH TOAN TIEN HANG THEO HOA DON 0000235	
	Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.3: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
21/12	GBN	21/12	Ứng trước tiền hàng cho công ty Hòa Bình Minh	331	250.000.000	
				112		250.000.000
23/12	GBC	23/12	Bán hàng cho công ty TNHH liên doanh VIC	112	19.800.000	
	HĐ 0000235			511		18.000.000
				3331		1.800.000
	PXK 10/12		Giá vốn hàng bán	632	15.556.899	
				156		15.556.899
....
			Cộng phát sinh		<u>32.623.292.689</u>	<u>32.623.292.689</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.4: Trích sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga
P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu Tài khoản: 511

Đơn vị: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
23/12	HĐ 0000235	23/12	Bán hàng cho công ty TNHH liên doanh VIC	112		18.000.000
...
28/12	HĐ 0000285	28/12	Bán hàng cho công ty TNHH TM DL Sài Gòn TD	131		25.000.000
...
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	9.118.712.540	
			Cộng số phát sinh		<u>9.118.712.540</u>	<u>9.118.712.540</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty.

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị của các hàng hóa nhập về và các chi phí khác.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

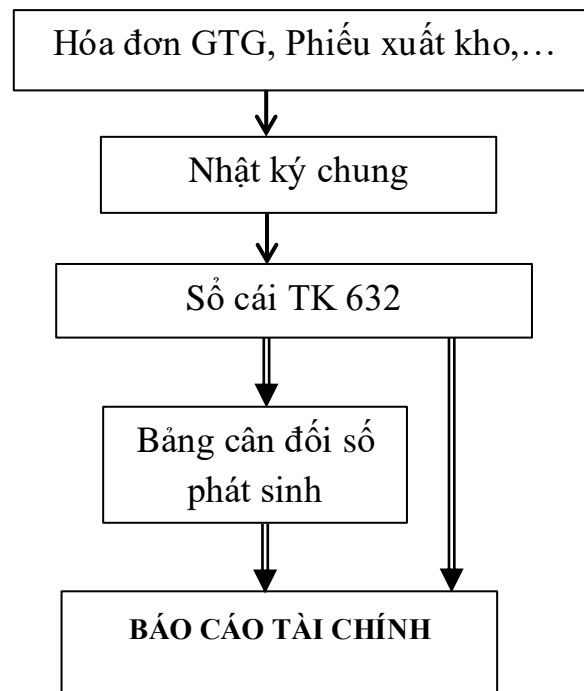
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Biên bản xác nhận, biên bản bàn giao
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

2.2.2.4. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty:



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.17: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty

2.2.2.5. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 01: Ngày 23/12/2016 Công ty bán hàng cho công ty TNHH liên doanh xây dựng VIC với tổng số tiền thanh toán là 19.800.000đ (VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản.

Nợ TK 632: 15.556.900

Có TK 156: 15.556.900

Nợ TK 111: 19.800.000

Có 511: 18.000.000

Có TK 3331: 1.800.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.6: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

(Ban hành theo Thông tư

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
....
21/12	GBN	21/12	Ứng trước tiền hàng cho công ty Hòa Bình Minh	331	250.000.000	
				112		250.000.000
23/12	GBC	23/12	Bán hàng cho công ty TNHH liên doanh VIC	112	19.800.000	
	HĐ 0000235			511		18.000.000
				3331		1.800.000
23/12	PXK 10/12	23/12	Giá vốn hàng bán	632	15.556.899	
				156		15.556.899
....
			Cộng phát sinh		<u>32.623.292.689</u>	<u>32.623.292.689</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1.7: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu Tài khoản: 632

Đơn vị: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
23/12	PXK10/1 2	23/12	Bán hàng cho công ty TNHH liên doanh VIC	156	15.556.900	
...
28/12	PXK15/12	28/12	Bán hàng cho công ty TNHH TM DL Sài Gòn TD	156	19.968.890	
...
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		8.944.272.603
			Cộng số phát sinh		<u>8.944.272.603</u>	<u>8.944.272.603</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH MTV Đất Quảng là lãi tiền gửi ngân hàng.

Trong năm 2016 công ty không phát sinh khoản chi phí tài chính.

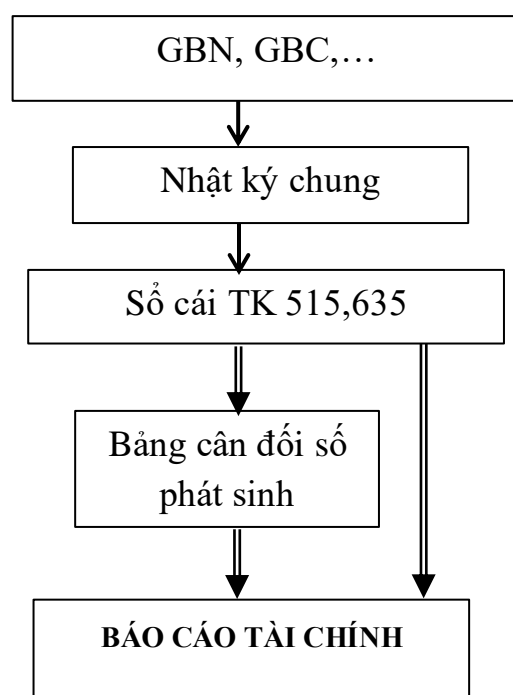
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ, giấy báo có ngân hàng.

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.2.3.4. Quy trình hạch toán.



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.18: Sơ đồ hạch toán doanh thu HĐTC và chi phí tài chính

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng,... ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính vào Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên sổ cái các tài khoản được phản ánh vào Bảng cân đối kế toán.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 02: Ngày 5/11/2016 Công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng ACB về khoản lãi tiền gửi tháng 10/2016.

Kế toán định khoản:

Nợ 515: 29.303

Có TK 112: 29.303

Biểu 1.8: Giấy báo có ngân hàng về tiền lãi tháng 10/2016

Ngân hàng A Châu	GIAY BAO CO	
Chi nhánh: ACB - CN Quang Ninh	Ngày: 05 - 11 - 2016	Ma GDV: VU THI HANH
		Ma KH: 5314
		So GD: 11293
Kính gửi: Công ty TNHH MTV Đất Quảng		
MST: 5701721739		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CO:	1007907211	
Số tiền bằng số:	29.303	
Số tiền bằng chữ:	HAI MUOI CHIN NGHIN BA TRAM LINH BA DONG	
	NGÂN HÀNG A CHAU	
Nội dung:	LAI TIEN GUI NGAN HANG T10/2016	
	Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.9: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
....
04/11	PC13/11	04/11	Thanh toán tiền bình nước uống	642	300.000	
				133	30.000	
				111		330.000
05/11	GBC	05/11	Lãi tiền gửi T10	112	29.303	
				515		29.303
....
			Cộng phát sinh		<u>32.623.292.689</u>	<u>32.623.292.689</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1.10: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga
P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu Tài khoản: 515

Đơn vị: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
05/10	GBC	05/10	Lãi tiền gửi T9	112		29.303
05/11	GBC	05/11	Lãi tiền gửi T10	112		29.303
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	58.606	
			Cộng số phát sinh		<u>58.606</u>	<u>58.606</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.4.1. Nội dung

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và các phí như phí đóng gói, bốc dỡ, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý và vận hành công ty như chi phí điện, công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ hay chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý,...

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

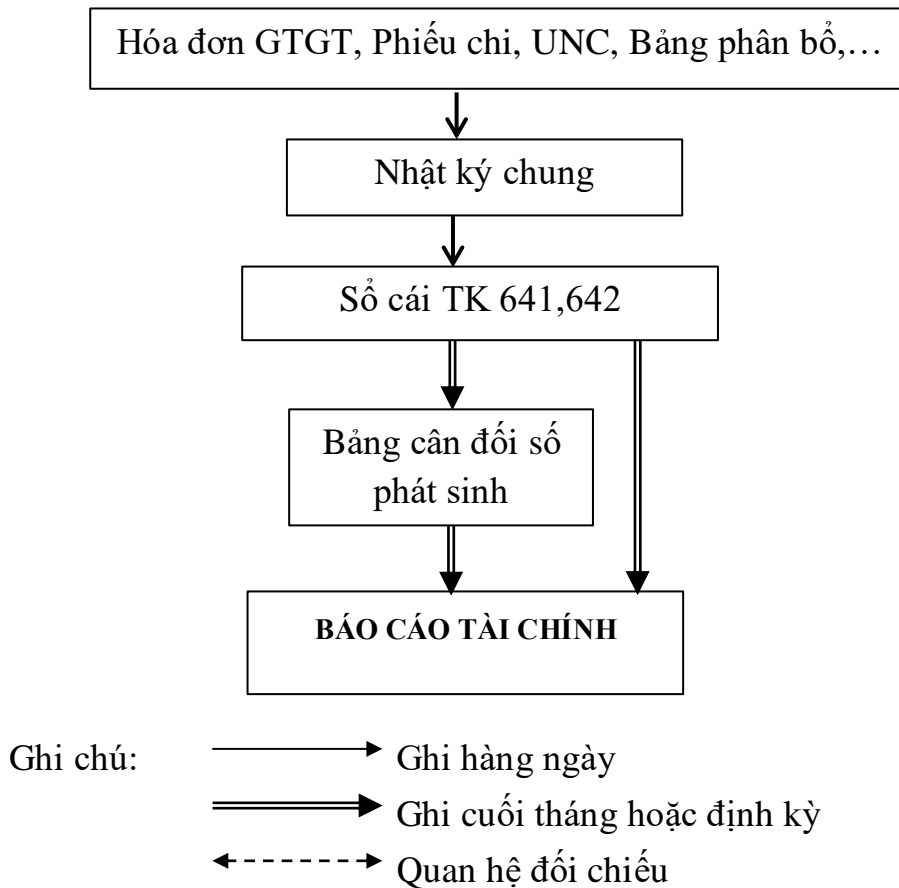
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Bảng phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ liên quan khác

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.19: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

Hàng ngày dựa vào các hóa đơn GTGT, phân bổ lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên bộ phận quản lý...kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Chi phí bán hàng vào sổ nhật ký chung, từ đó ghi vào sổ cái tài khoản 641, 642. Cuối tháng, số liệu trên các sổ sách của tài khoản sẽ được dùng để lập bảng cân đối phát sinh.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 03: Ngày 20/12/2016 Công ty thanh toán tiền quảng cáo cho công ty Dầu Ấn bằng tiền mặt tổng thanh toán 4.950.000 (VAT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 1.500.000

Nợ TK 133: 150.000

Có TK 111: 1.650.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.11: Hóa đơn GTGT 0001045 nhận từ công ty TNHH Dầu Ấn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Liên 2: Giao khách hàng

Số:0001045

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dầu Ấn

Địa chỉ: Số 386, tổ 9, khu 3, Phường Hùng Thắng, Thành phố Hạ Long

Mã số thuế: 5701933148

Điện thoại: 0203.3.643.565

Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Liễu

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Đất Quảng

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long,

Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701721739

Hình thức thanh toán: TM/CK

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Card nhỏ	Cái	100	1500	150.000
2	Băng zôn	Cái	1	350.000	350.000
3	Biển quảng cáo	Cái	1	1.000.000	1.000.000
Cộng tiền hàng:					1.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			150.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)	

(Nguồn: trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.12: Phiếu chi 32/12 ngày 20/12/2016

Công Ty TNHH Một Thành Viên Đất Quảng

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: P. Giếng Đáy – TP Hạ Long, Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701721739

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Số:

Ngày 20 tháng 12 năm 2016
Số: PC32/12

TK Nợ	TK Có	Số tiền
641	111	1.500.000
133	111	150.000

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Liễu

Địa chỉ: Công Ty TNHH MTV Đất Quảng

Lý do chi: Thanh toán tiền quảng cáo cho Công ty TNHH Dầu Ấn

Số tiền: **1 . 650 . 000** (Viết bằng chữ): **Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.**

Kèm theo:

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.13: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

(Ban hành theo Thông tư

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
20/12	PC32/12	20/12	Thanh toán tiền quảng cáo cho công ty Dấu Ấn bằng tiền mặt	641	1.500.000	
				133	150.000	
				111		1.650.000
21/12	GBN	21/12	Ứng trước tiền hàng cho công ty Hòa Bình Minh	331	250.000.000	
....
			Cộng phát sinh		<u>32.623.292.689</u>	<u>32.623.292.689</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.14: Trích sổ cái tài khoản 641

**Đơn vị: Công ty TNHH Một Thành Viên Đất
Quảng**

**Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga Giếng
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng
Ninh**

Mẫu số: S03b – DN

*(Ban hành theo Thông tư số:
200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
Chính)*

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu tài khoản: 641

Đơn vị :VNĐ

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
...
20/12	PC32/12	20/12	Thanh toán tiền quảng cáo cho công ty Dấu Ấn bằng tiền mặt	111	1.500.000	
...
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		48.000.000
			Cộng số phát sinh		<u>48.000.000</u>	<u>48.000.000</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 04: Ngày 13/8/2016 Công ty mua văn phòng phẩm (đính kèm danh sách) với số tiền là 1.050.000 (chưa bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 1.050.000

Nợ TK 133: 105.000

Có TK 111: 1.155.000

Ví dụ 05: Ngày 25/12/2016 Công ty chi tiền mặt đi tiếp khách theo hóa đơn số 0086822 với số tiền là 1.065.000 (thuế VAT 10%)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 969.000

Nợ TK 133: 96.900

Có TK 111: 1.065.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.15: Trích hóa đơn GTGT số 0001634

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mua văn phòng phẩm (Kèm bảng kê chi tiết)				1.050.000
Cộng tiền hàng:					1.050.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			105.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.155.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm chín năm nghìn đồng chẵn /					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.16: Phiếu chi số 15/08

Công Ty TNHH Một Thành Viên Đất Quảng

Địa chỉ: P. Giếng Đáy – TP Hạ Long, Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701721739

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 08 năm 2016
Số: PC15/08

Quyên số:

Số:

TK Nợ	TK Có	Số tiền
642	111	1.050.000
133	111	105.000

Họ và tên người nhận tiền: Ngô Thúy Hằng

Địa chỉ: Công Ty TNHH MTV Đất Quảng

Lý do chi: Thanh toán tiền VPP cho công ty Phương Nam

Số tiền: **1.155.000** (Viết bằng chữ): **Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng.**

Kèm theo:

Ngày 13 tháng 08 năm 2016

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng.

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.17: Hóa đơn GTGT số 0086822

NHÀ HÀNG HƯƠNG SEN
269 Đỗ Đức Dục – Mễ Trì – Hà Nội
(04) 3732 0589 – 0904 988 999
nhahanghuongsen@gmail.com

Mẫu số: 01GTKT2/003
Ký hiệu: AA/14P

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA

Số: 0086822

(Liên 2 : Giao người mua)

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Công ty bán hàng : Nhà hàng Hương Sen

Mã số thuế : 0100788520

Địa chỉ : 269 Đỗ Đức Dục – Mễ Trì – Hà Nội

Người mua hàng: Ngô Thúy Hằng

Đơn vị mua hàng : Công ty TNHH Một Thành Viên Đất Quảng

Mã số thuế: 5701721739

Địa chỉ : Lô 88, Khu đô thị Đông Ga Giếng Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Phương thức thanh toán : tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cơm	Tô	2	40.000	40.000
2	Riêu cá song	Tô	1	150.000	150.000
3	Cần xào bắp bò	Đĩa	2	50.000	100.000
4	Mực hấp	Đĩa	2	100.000	200.000
5	Sò nướng mỡ hành	Đĩa	2	100.000	200.000
6	Đậu lứt ván	Đĩa	2	20.000	40.000
7	Rau củ luộc	Đĩa	2	30.000	60.000
8	Bia Hà Nội	Lon	6	15.000	90.000
9	Coca	Lon	4	10.000	40.000
10	Khăn ướt	Cái	7	7.000	49.000
				Cộng tiền hàng	969.000
				Tiền thuế GTGT (10 %)	96.900
				Tiền phí khác	0
				Tổng số tiền thanh toán	1.065.900

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ : Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ, tên)

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ, tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.18: Phiếu chi số 37/12

Công Ty TNHH Một Thành Viên Đất Quảng

Địa chỉ: P. Giếng Đáy – TP Hạ Long, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701721739

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Số: PC37/12

Quyển số:

Số:

TK Nợ	TK Có	Số tiền
642	111	969.000
133	111	96.900

Họ và tên người nhận tiền: Ngô Thúy Hằng

Địa chỉ: Công Ty TNHH MTV Đất Quảng

Lý do chi: Chi tiền tiếp khách

Số tiền: **1.065.900** (Viết bằng chữ): **Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng.**

Kèm theo:

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận tiền

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng.

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.19: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

(Ban hành theo Thông tư

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
....
13/08	PC15/08	13/08	Thanh toán tiền VPP	642	1.050.000	
	HĐ 0001634			133	105.000	
				111		1.155.000
....
25/12	PC37/12	25/12	Chi tiền tiếp khách	642	969.000	
	HĐ 0086822			133	96.900	
				111		1.065.900
....
			Cộng phát sinh		<u>32.623.292.689</u>	<u>32.623.292.689</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)
(tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.20: Trích sổ cái tài khoản 642

**Đơn vị: Công ty TNHH Một Thành Viên Đất
Quảng**

**Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga Giếng
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng
Ninh**

Mẫu số: S03b – DN

*(Ban hành theo Thông tư số:
200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
Chính)*

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu tài khoản: 642

Đơn vị :VNĐ

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
...
13/08	PC15/08	13/08	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho nhà sách Phương Nam	111	1.050.000	
...
25/12	PC37/12	25/12	Chi tiền tiếp khách	111	969.000	
...
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		99.522.733
			Cộng số phát sinh		<u>99.522.733</u>	<u>99.522.733</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Trong năm 2016, công ty không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến các khoản thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đất Quảng

2.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đất Quảng.

Công ty TNHH MTV Đất Quảng tiến hành xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{trước thuế} \\ \text{của doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{từ hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{từ hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý kinh doanh} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế} \\ \text{TNDN (lợi nhuận} \\ \text{ròng hay lãi ròng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước} \\ \text{thuế của doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp hiện hàng} \end{array}$$

2.2.6.2. Chứng từ sử dụng.

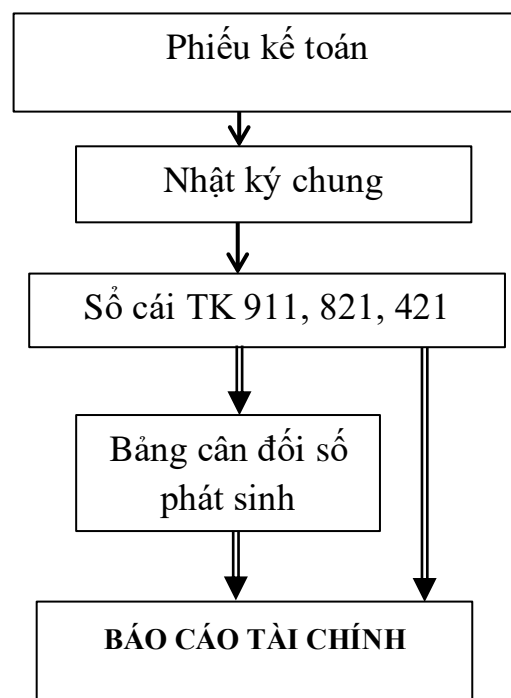
- Phiếu kế toán

2.2.6.3. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.
 - Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
 - Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

2.2.6.4. Quy trình hạch toán.

Cuối quý, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.20: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.4. Xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Xác định kết quả kinh doanh năm 2016:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 9.118.712.540
Nợ TK 511: 9.118.712.540
Có TK 911: 9.118.712.540
- Doanh thu hoạt động tài chính: 58.606
Nợ TK 515: 58.606
Có TK 911: 58.606
- Giá vốn hàng bán: 8.944.272.603
Nợ TK 911: 8.944.272.603
Có TK 632: 8.944.272.603
- Chi phí bán hàng: 48.000.000
Nợ TK 911: 48.000.000
Có TK 641: 48.000.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 99.522.733
Nợ TK 911: 99.522.733
Có TK 642: 99.522.733
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = $9.118.712.540 - 8.944.272.603 - 48.000.000 - 99.522.733 = 26.917.204$
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính = 58.606 (trong năm không phát sinh chi phí tài chính)
- Lợi nhuận từ hoạt động khác = 0
- Lợi nhuận trước thuế = $26.917.204 + 58.606 = 26.975.810$
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp = $26.975.810 \times 20\% = 5.395.162$
- Lợi nhuận sau thuế = $26.975.810 - 5.395.162 = 21.580.648$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.21: Phiếu kế toán 31

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng

Độc lập – tự do – hạnh phúc

Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	9.118.712.540
			Cộng			9.118.712.540

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.22: Phiếu kế toán 32

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng

Độc lập – tự do – hạnh phúc

Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	58.606
			Cộng			58.606

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1.23: Phiếu kế toán 33

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng

Độc lập – tự do – hạnh phúc

Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển giá vốn	911	632	8.944.272.603
			Cộng			8.944.272.603

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.24: Phiếu kế toán 34

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng **Độc lập – tự do – hạnh phúc**
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh -----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN Số 34

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	48.000.000
			Cộng			48.000.000

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1.25: Phiếu kế toán 35

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng **Độc lập – tự do – hạnh phúc**
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh -----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN Số 35

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	99.522.733
			Cộng			99.522.733

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.26: Phiếu kế toán 36

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng **Độc lập – tự do – hạnh phúc**
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh -----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN Số 36

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Xác định thuế TNDN trong kỳ	821	3334	5.395.162
			Cộng			5.395.162

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1.27: Phiếu kế toán 37

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng **Độc lập – tự do – hạnh phúc**
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh -----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN Số 37

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển thuế TNDN trong kỳ	911	821	5.395.162
			Cộng			5.395.162

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.28: Phiếu kế toán 38

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Địa chỉ: Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng **Độc lập – tự do – hạnh phúc**
Đáy, P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh -----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 38

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển lãi	911	421	21.580.648
			Cộng			21.580.648

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.29: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Mẫu số: S03a - DN

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga

(Ban hành theo Thông tư số

P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			NỢ	CÓ

31/12	PKT31	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511	9.118.712.540	
				911		9.118.712.540
31/12	PKT32	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515	58.606	
				911		58.606
31/12	PKT33	31/12	K/c giá vốn	911	8.944.272.603	
				632		8.944.272.603
31/12	PKT34	31/12	K/c chi phí bán hàng	911	48.000.000	
				641		48.000.000
31/12	PKT35	31/12	K/c chi phí QLDN	911	99.522.733	
				642		99.522.733
31/12	PKT36	31/12	Xác định thuế TNDN	821	5.395.162	
				3334		5.395.162
31/12	PKT37	31/12	K/c thuế TNDN	911	5.395.162	
				821		5.395.162
31/12	PKT38	31/12	K/c lãi	911	21.580.648	
				421		21.580.648
			Cộng phát sinh		<u>32.623.292.689</u>	<u>32.623.292.689</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 1.30: Trích sổ cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH Một Thành Viên Đất
Quảng

Địa chỉ: Lô 88, Khu đô thị Đông Ga Giếng Đáy,
P.Giếng Đáy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số: S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số:
200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

Đơn vị :VNĐ

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT31	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		9.118.712.540
31/12	PKT32	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515		58.606
31/12	PKT33	31/12	K/c giá vốn	632	8.944.272.603	
31/12	PKT34	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	48.000.000	
31/12	PKT35	31/12	K/c chi phí QLDN	642	99.522.733	
31/12	PKT37	31/12	K/c thuế TNDN	821	5.395.162	
31/12	PKT38	31/12	K/c lãi	421	21.580.648	
			Cộng số phát sinh		<u>9.118.771.146</u>	<u>9.118.771.146</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Trích tại phòng kế toán công ty TNHH MTV Đất Quảng)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẤT QUẢNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Công ty TNHH MTV Đất Quảng là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Với nền kinh tế thị trường đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức được sự chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

Công ty đã đẩy mạnh tìm kiếm các thị trường tiêu thụ mới, không ngừng nâng cao chất lượng kinh doanh, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Năm 2016 so với năm 2015 doanh thu đã có cải tiến tăng lên. Tất cả những thành quả đạt được trên có được là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của công ty mà trước hết là sự năng động sáng tạo của ban giám đốc cũng như đội ngũ nhân viên cùng với sự đoàn kết đồng lòng của công ty.

Qua một thời gian thực tập tại Công ty, em được tìm hiểu, được làm việc và tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ tận tình của công ty và các anh chị phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp em học tập và làm quen với thực tế củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin phép được đưa ra một số ý kiến và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

Trong quá trình thực tập, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đất Quảng có những ưu điểm sau:

❖ *Về tổ chức bộ máy kế toán.*

Việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung của công ty có nhiều ưu điểm. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phân hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động bán hàng hàng hóa và xu hướng hàng hóa trên thị trường. Tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như các hoạt động tài chính, hoạt động khác. Với mô hình này kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cũng dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời ban lãnh đạo cũng nhanh chóng nắm bắt được tình hình hoạt động của công ty từ đó quản lý và đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Các thành viên trong phòng kế toán có trình độ chuyên môn, có trách nhiệm với công việc.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ sách.*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.*

- *Về công tác kế toán doanh thu:* mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.
- *Về công tác kế toán chi phí:* mọi khoản chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết để tối đa hóa lợi nhuận.
- *Về công tác xác định kết quả kinh doanh:* về cơ bản là đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh được tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán cũng khó tránh khỏi những hạn chế cần khắc phục. Sau đây là những hạn chế của Công ty:

❖ *Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.*

Công ty tổ chức vận dụng theo hệ thống chứng từ và tài khoản theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

Về cơ bản công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán là không sai nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế, tuy nhiên đối với công ty TNHH MTV Đất Quảng là công ty vừa và nhỏ. Công ty nên áp dụng thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính. Thông tư áp dụng đối với những doanh nghiệp vừa và nhỏ (bao gồm cả doanh nghiệp siêu nhỏ) thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật.

❖ *Về hình thức kế toán.*

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu, vì vậy công ty nên áp dụng sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời hơn.

❖ *Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán.*

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì sẽ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đất Quảng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thành công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình lỗ lãi của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Công ty cần củng cố đào tạo thêm đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp mà còn có sự hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn những hạn chế mà được khắc phục thì các phần hành sẽ được hoàn thiện hơn.

3.2.3.1. Chuyển đổi chế độ kế toán sang Thông tư 133.

a) Định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP như sau:

Điều 3. Định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên), cụ thể như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Quy mô	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người"

Hiện tại công ty TNHH một thành viên Đất Quảng đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên là một doanh nghiệp nhỏ nên với việc ban hành TT133/2016/BTC-TT hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Công ty nên chuyển đổi trở lại áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo qui định tại Điều 3 TT 133 áp dụng từ đầu năm tài chính tiếp theo và thông báo cho cơ quan thuế.

b) Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn nguyên tắc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng thông tư 133/2016.

- Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả doanh nghiệp siêu nhỏ) thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trừ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, các

hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã theo quy định

- Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù như điện lực, dầu khí, bảo hiểm, chứng khoán ... đã được Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận áp dụng chế độ kế toán đặc thù.

c) Nguyên tắc khi áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính.
- Trường hợp chuyển đổi trở lại áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư này thì phải thực hiện từ đầu năm tài chính và phải thông báo lại cho cơ quan Thuế.
- Doanh nghiệp vừa và nhỏ căn cứ vào nguyên tắc kế toán, nội dung và kết cấu của các tài khoản kế toán quy định tại Thông tư này để phản ánh và hạch toán các giao dịch kinh tế phát sinh phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị.
- Trường hợp trong năm tài chính doanh nghiệp có những thay đổi dẫn đến không còn thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 Thông tư này thì được áp dụng Thông tư này cho đến hết năm tài chính hiện tại và phải áp dụng Chế độ kế toán phù hợp với quy định của pháp luật kể từ năm tài chính kế tiếp.

d) Thủ tục chuyển đổi chế độ kế toán.

Khi DN đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư này mà muốn chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư khác thì sẽ phải làm công văn thông báo chuyển đổi chế độ kế toán gửi lên cơ quan thuế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công Ty TNHH MTV Đất Quảng

Sè: 0401/CV-2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 02 tháng 01 năm 2017

THÔNG BÁO

(Về việc áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp)

Kính gửi: CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

Doanh nghiệp: **Công Ty TNHH Một thành viên Đất Quảng**

Mã số thuế: **5701721739**

Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 88, khu đô thị Đông Ga Giếng Đáy, phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**

Giấy chứng nhận ĐKKD số: **0313833761** do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh **Tỉnh Quảng Ninh** cấp ngày 19 tháng 08 năm 2014
Ngành, nghề kinh doanh: **Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng.**

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp nên từ năm 2017 doanh nghiệp chúng tôi áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo **Thông tư 133/2016/TT-BTC** ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Nội dung chuyển đổi:

Nội dung	Đã đăng ký	Đổi Thành
Chế độ sổ sách kế toán	Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp	Thông tư 133/2016/TT-BTC Chế độ Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ
Hình thức kế toán	Nhật ký chung	Nhật ký chung

Vậy xin thông báo để Quý Cục được biết.

Nơi nhân:

- *Như trên.*
- *Lưu VP.*

Công Ty TNHH MTV Đất Quảng

(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Tường Quảng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

e) Thay đổi tài khoản sử dụng và một số mẫu chứng từ, sổ sách theo TT 133.

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
Tài khoản đầu 5	
TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá	Không có
TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	Không có
Tài khoản đầu 6	
TK 611: Mua hàng (có tài khoản chi tiết) - 6111: Mua NVL - 6112: Mua hàng hóa	TK 611: Mua hàng (không có tài khoản chi tiết)
TK 621: Chi phí NVL trực tiếp	TK 631: Giá thành sản xuất
TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp	
TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công (TK chi tiết 6231, 6232, 6233, 6234, 6237, 6238)	
TK 627: Chi phí chung (6271, 6272, 6273, 6274, 6277, 6278)	
TK 641: Chi phí bán hàng (6411, 6412, 6413, 6414, 6415, 6417, 6418)	TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp - 6421: Chi phí bán hàng - 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp - 6421: Chi phí nhân viên quản lý - 6422: Chi phí vật liệu quản lý (6423, 6424, 6425, 6426, 6427, 6428)	
Tài khoản đầu 8	
TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - 8211: CP thuế TNDN hiện hành - 8212: CP thuế TNDN hoãn lại	TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (không có tài khoản chi tiết)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm

Đơn vị tính:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm...

Tên tài khoản

Số hiệu.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng Số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công Ty:

Địa chỉ:

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày tháng năm
Số:

Quyển số:

Số:

TK Nợ	TK Có	Số tiền

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền:

Kèm theo:

(Viết bằng chữ):

Ngày tháng năm

Giám đốc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận tiền

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công Ty:

Địa chỉ:

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày tháng năm
Số:

Quyển số:

Số:

TK Nợ	TK Có	Số tiền

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền:

(Viết bằng chữ):

Kèm theo:

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.3.2. Tiến hành theo dõi chi tiết bán hàng bằng cách lập sổ chi tiết.

Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết bán hàng theo từng đối tượng sản phẩm. Điều này sẽ giúp cho kế toán có thể dễ dàng quản lý hơn đối với từng mặt hàng đồng thời cũng giúp cho ban điều hành công ty đánh giá được hoạt động bán hàng, tình hình tiêu thụ cũng như kết quả bán hàng chi tiết của từng sản phẩm. Từ đó đưa ra các quyết định cụ thể chính xác giúp cho công ty ngày càng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận:

Công ty TNHH MTV Đất Quảng

Lô 88 khu đô thị Đông Ga, phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng...năm...

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

3.2.3.4. Một số giải pháp khác.

Bộ phận kế toán thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất lao động, phù hợp với từng giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Công ty nên tiếp nhận các chuẩn mực kế toán quốc tế, chọn lọc và áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán hiện nay của Việt Nam.

Hiện nay công ty mới chỉ mới phân tích kết quả hoạt động kinh doanh ở mức so sánh chênh lệch của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Bộ phận kế toán nên đề xuất lên Ban quản lý công ty về việc cung cấp phần mềm kế toán.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Qua kết quả kinh doanh của doanh nghiệp người quản lý có thể thấy được tình hình kinh doanh của công ty cũng như thấy được doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả hay không. Điềm nào cần phát huy, điềm nào cần khắc phục từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đẩy mạnh việc kinh doanh của công ty.

Sau thời gian thực tập và tham gia vào công tác kế toán của Công ty TNHH Một Thành Viên Đất Quảng, em đã tiếp thu được rất nhiều kiến thức thực tế về chuyên ngành kế toán theo học, bên cạnh đó cũng đã áp dụng và so sánh được giữa những lí thuyết học trong nhà trường cùng thực tiễn làm việc tại công ty. Từ đó có thể thấy ngoài những kiến thức đã được học trong trường lớp, em cần cố gắng học hỏi thêm thật nhiều từ thực tế của những người đi trước.

Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm của các thầy cô giáo.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Cô giáo ThS. Phạm Thị Nga và toàn thể cán bộ nhân viên kế toán của Công ty TNHH Một Thành Viên Đất Quảng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày 02 tháng 06 năm 2018

Sinh viên

Trịnh Thị Hoài Linh